

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2021/HSST

Ngày: 31 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chiêu - Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Sen - Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu M**, sinh ngày 07/5/2002 tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 4, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 102 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 04/3/2021; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/01/2021 đến ngày 23/01/2021; có mặt.

2. **Đỗ M T**, sinh ngày 12/9/2000 tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 3, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tuấn L và bà Lê Thị H; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 104 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 04/3/2021; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

3. **Đoàn Văn D**, sinh ngày 29/7/2003 tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 3, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án,

tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 103 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 04/3/2021; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1999; vắng mặt.

Trú tại: Thôn HL, xã TL, huyện BV, thành phố HN

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Văn D: Bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của bị cáo), sinh năm 1980; trú tại: Thôn 3, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN; vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn D: Bà Hồ Bích Phương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

+ Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1985; vắng mặt.

Trú tại: Số 138 Phố Mới, xã TX, huyện ĐP, thành phố HN.

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988; vắng mặt.

Trú tại: Thôn 4, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Trường G, sinh năm 1999 trú tại Thôn HL, xã TL, huyện BV, thành phố HN nợ tiền hát Karaoke ngày 22/12/2020 của Nguyễn Hữu M, sinh năm 2002 trú tại Thôn 4, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN không trả nên ngày 07/01/2021 tại phòng trọ của Nguyễn Ngọc B sinh năm 1999 (trú tại xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội) ở ngõ 509 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, M cùng Đoàn Văn D, sinh ngày 29/7/2003, Đỗ M T, sinh năm 2000 cùng ở Thôn 3 xã TC, huyện Đan Phượng, bàn bạc rủ G về xã TC giải quyết khoản nợ. G không đồng ý về xã TC; M biết T, G, Bắc và Phùng Văn H, sinh năm 1997 trú tại xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì đang ăn tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. M gọi điện thoại nói với T rủ cả nhóm trên về nhà T ngủ, khi nào G ngủ say thì M và D sẽ lấy trộm điện thoại của G để trừ nợ, T đồng ý. Đến khoảng 23h cùng ngày, M và D đi xe máy về nhà M để cất xe, còn T, G, H, Bắc đi taxi về nhà T tại Thôn 3, xã TC, huyện Đan Phượng để ngủ. Trên đường đón M, D qua nhà T để ngủ, M nói với T: “Đội bọn nó ngủ, em với D lấy điện thoại của nó, xong đó em với D đi”, T đáp “ừ, bọn em lấy được thì lấy”. Đến khoảng 05h 00 phút sáng ngày 08/01/2021, khi thấy G đang ngủ để điện thoại Iphone 11 màu xanh của mình ở gối bên tay phải, M không dám lấy điện thoại nên đã gọi D dậy và nói “lên lấy tao cái máy”, D đã lấy điện thoại đưa cho M rồi cả hai cùng nhau trèo tường mang điện thoại về nhà M. Sau đó M đưa điện thoại cho anh trai là Nguyễn Hữu T, sinh năm 1998 bảo đi bán để trả tiền nợ T (số tiền nhóm của G, M, T, Bắc, D đi hát T đã trả nợ thay 24.000.000 đồng). Kiểm tra thấy điện thoại không khóa mật khẩu màn hình và tài khoản iCloud nên ngày 10/01/2021, T đã cùng anh Trần Nho V, sinh năm 1997 trú tại Thôn 5, xã TC, huyện Đan Phượng

đến cửa hàng điện thoại Xuân Trường tại số 138 Phố Mới, xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng do anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1985 làm chủ bán chiếc điện thoại trên cho anh Trường với giá 12.000.000 đồng, trừ vào số tiền M đã nợ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS của huyện Đan Phượng ngày 18/01/2021, kết luận về giá của tài sản: *“01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, 64GB, Green 2020 đã qua sử dụng, mua mới ngày 28/11/2020 tại thế giới di động - thời điểm định giá tháng 01/2021 - KL về giá TS của Hội đồng định giá là: 17.890.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)”*.

Về dân sự: Anh Nguyễn Trường G đã nhận được điện thoại bị mất trộm và anh Hoàng Xuân T không yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-ĐP ngày 28 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hữu M, Đỗ M T, Đoàn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Bị cáo Nguyễn Hữu M, Đỗ M T, Đoàn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Các bị cáo đều xác định bị Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đề nghị HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng trình bày luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự (Điều 91 BLHS đối với Đoàn Văn D):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu M từ 27 đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

Xử phạt bị cáo Đỗ M T từ 24 đến 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Các bị cáo là người lao động tự do không có thu nhập ổn định, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn D trình bày lời bào chữa: Đề nghị HĐXX xem xét toàn diện về bản chất của vụ án, điều kiện hoàn cảnh gia đình và áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Vụ án xảy ra tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử thuộc thẩm quyền của các cơ quan T hành tố tụng của huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

[2]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng là hợp pháp.

[3]. Về tội danh: Hành vi của các bị cáo đã được chứng M bằng lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay; bằng lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Do Nguyễn Trường G nợ tiền không trả nên ngày 07/01/2021, Nguyễn Hữu M đã gặp và bàn bạc với Đỗ M T, Đoàn Văn D rủ G về xã TC để giải quyết khoản nợ nhưng G không đồng ý về xã TC. Khi biết T, G, Bắc và Phùng Văn H đang ăn tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thì M gọi điện thoại cho T để nắm bắt thông tin và nói với T rủ cả nhóm trên về nhà T ngủ, khi nào G ngủ say thì M và D sẽ lấy trộm điện thoại của G để trừ nợ. Đến khoảng 23h cùng ngày thì T, G, H và Bắc đi taxi về nhà T tại Thôn 3, xã TC, huyện ĐP, thành phố HN để ngủ. Trên đường đón M, D qua nhà T để ngủ, M lại bàn với T, D là chờ khi nào G ngủ say sẽ lấy trộm điện thoại và T, D đồng ý. Đến khoảng 05h ngày 08/01/2021, lợi dụng lúc G ngủ say để điện thoại Iphone 11 dưới gối, M đã bảo D lén lút lấy chiếc điện thoại trên mang về nhà để bán. Tài sản mà các bị cáo trộm cắp theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng kết luận có giá trị là: 17.890.000 đồng. Hành vi các bị cáo bàn bạc, lên kế hoạch cụ thể, phân công từ ngày hôm trước để thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội có tổ chức, nhưng đã được dùng để định khung hình phạt nên không tính tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Ngoài ra, các bị

cáo còn được hưởng các tình tiết khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là các bị cáo đều là người phạm tội lần đầu và bản thân người bị hại cũng có một phần lỗi.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình và cần phải xử lý nghiêm M để có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, vụ án được bắt nguồn từ một quan hệ dân sự đơn giản, khi mâu thuẫn từ quan hệ này không được giải quyết mà các bị cáo đã dùng cách giải quyết mâu thuẫn bằng một hành vi trái pháp luật như đã nêu trên. Khi xem xét vị trí vai trò của các bị cáo, HĐXX nhận thấy Nguyễn Hữu M là người lên kế hoạch nên đứng vị trí thứ nhất, T là người giúp sức tích cực cho M nên đứng vị trí thứ hai, D tuy là người trực tiếp lấy điện thoại nhưng chưa đủ 18 tuổi nên còn hạn chế về nhận thức nên đứng vị trí thứ ba.

Đối với các quy định và hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự, xét các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hơn nữa xét về nguyên nhân sâu xa thì bản thân bị hại cũng có một phần lỗi nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cho các bị cáo hưởng án treo, ở tại nơi cư trú tự lao động cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và phân hóa vai trò, ấn định các mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo, như vậy vừa có tác dụng răn đe giáo dục vừa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là người lao động tự do không có thu nhập ổn định, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7]. Đối với Nguyễn Hữu T là người được M đưa cho chiếc điện thoại, sau đó T đem bán cho anh Hoàng Xuân T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định những người trên không biết tài sản là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng không đề cập xử lý.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Trường G đã nhận được điện thoại bị mất trộm và anh Hoàng Xuân T không yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi Tòa án dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi anh Hoàng Xuân T có yêu cầu theo qui định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu M 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 52 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm - về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Đỗ M T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm - về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 91 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn D 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 32 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm - về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu M, Đỗ M T và Đoàn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã TC, huyện ĐP, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Hữu M, Đỗ M T và Đoàn Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu M, Đỗ M T và Đoàn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS CA huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hoan